

Phát triển vùng: lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế cho Việt Nam

Nguyễn Văn Khánh*, Đỗ Huyền Trang, Đào Thanh Trường

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài 2.4.2015, ngày chuyển phản biện 6.4.2015, ngày nhận phản biện 5.5.2015, ngày chấp nhận đăng 8.5.2015

Phát triển vùng hiện đang là một chủ đề nghiên cứu mang tính cấp thiết, thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Những vấn đề thực tế đang đặt ra hiện nay đối với việc phát triển các vùng khác nhau của một quốc gia như chênh lệch trong phát triển, khoảng cách trình độ phát triển và chất lượng dân cư, các vấn đề kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, đặc biệt là vai trò chiến lược và trọng yếu của các vùng này về an ninh, chính trị, quốc phòng đã đặt ra thách thức ngày càng tăng đối với chính phủ của các quốc gia trong việc hoạch định kế hoạch, đòi hỏi phải có chiến lược phát triển đồng đều, phát huy được tiềm năng và đẩy mạnh tăng trưởng, phát triển bền vững các vùng khác nhau trên phạm vi quốc gia. Sự ra đời của các tiếp cận và lý thuyết phát triển vùng chính là một tất yếu nhằm cung cấp những cơ sở lý thuyết vững chắc cho quá trình hoạch định chính sách đó. Bài viết điểm lại những lý thuyết phát triển vùng phổ biến cũng như một số kinh nghiệm quốc tế trong phát triển vùng. Việc nghiên cứu các lý thuyết và mô hình phát triển vùng của các quốc gia khác nhau trên thế giới sẽ mang đến nhận thức rõ ràng và sâu sắc hơn về thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển vùng của Việt Nam.

Từ khoá: lý thuyết, phát triển, vùng.

Chỉ số phân loại 5.12

REGIONAL DEVELOPMENT: THEORIES AND INTERNATIONAL EXPERIENCES FOR VIETNAM

Summary

Regional Development is currently a hot research topic, draws the attention of many researchers domestically and internationally. Problems posed today for the development of different regions inside a country, such gap in level of development and population quality; economic, cultural, educational, and training issues; especially the strategic and crucial role of these areas in national security, politics, and defence have created a growing challenge for the governments in country's development planning which focuses on equal development, boosting the potential of each region, and promoting sustainable development across the country. The emergence of regional development approaches and theories is thus a necessity to provide a solid theoretical basis for policy-making process. This article reviews some common theories of regional development as well as international experiences in regional development. Study on different theories and models of regional development in various countries around the world will provide a clearer awareness of the real situation in Vietnam, and the arising issues as well as the corresponding preliminary solutions to regional development in Vietnam.

Keywords: development, regional, theory.

Classification number 5.12

Tầm quan trọng và ý nghĩa của phát triển vùng

Khái niệm về “vùng”

Vấn đề phát triển vùng mặc dù đã trở thành mối quan tâm của nhiều học giả cũng như nhiều quốc gia khác nhau, nhưng giữa họ lại có rất ít sự thống nhất trong việc định nghĩa thuật ngữ “vùng” (region). Những tiếp cận sớm nhất coi “vùng” là một hệ thống các thành phố hoặc địa điểm có tính thứ bậc, trong đó mỗi vùng bao gồm một vài thành phố có thứ hạng cao hơn và nhiều thành phố nhỏ ở cấp thấp hơn. Một tiếp cận phổ biến hơn cho rằng “vùng” nên được dùng để hiểu nhóm người lao động có sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt không gian. Tiếp cận này được chấp nhận khá rộng rãi, với nhiều biến thể hoặc mở rộng (như khái niệm “khu vực kinh tế theo chức năng”). Cách

*Tác giả chính: Email: khanhvn@vnn.vn

tiếp cận thứ ba là “vùng” theo nghĩa “vùng kế hoạch” mà liên quan chủ yếu đến việc kiểm soát chính trị và quản lý hành chính. Nhưng “vùng” cũng có thể được hiểu là các giới hạn địa lý hoặc tài nguyên thiên nhiên hay hệ sinh thái [1]. Mặc dù không tồn tại sự thống nhất chung nhất, nhưng hầu hết các tiếp cận vùng và phân tích vùng đều bao gồm hai yếu tố cơ bản nhất: đó là không gian (space) và dân cư (population). Tuy nhiên, việc chọn lựa định nghĩa “vùng” phù hợp nhất phải gắn liền với các đặc điểm riêng và một trình độ sản xuất nhất định. Trong trường hợp của Việt Nam, “vùng” nên được hiểu là vùng địa lý gắn liền với các đặc điểm và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có các đặc điểm nổi bật về dân cư.

Vì sao phải quan tâm đến phát triển vùng?

Phát triển toàn diện và đồng đều trên mọi lĩnh vực là mục tiêu chung mà mọi quốc gia trên thế giới đều hướng tới, và đồng thời cũng là một trong những mục tiêu khó đạt được nhất. Từ xưa đến nay luôn tồn tại sự khác biệt rất tự nhiên giữa các vùng/miền khác nhau trong lãnh thổ một nước, và khoảng cách về mọi mặt của đời sống giữa các vùng cũng như trong phạm vi một vùng đang có xu hướng ngày càng tăng. Những câu hỏi như: “Các vùng địa lý đã và đang phát triển như thế nào?”, “Tại sao một số vùng lại có tốc độ tăng trưởng cao hơn các vùng khác?” hay “Tại sao sự khác biệt về kinh tế/quốc phòng - an ninh/an sinh xã hội giữa các vùng lại tồn tại dai dẳng đến vậy?” là những vấn đề quan trọng đã thu hút được sự chú ý của nhiều học giả và trở thành trọng tâm chiến lược của nhiều quốc gia trong khoảng 50 năm trở lại đây, trong đó có Việt Nam [2]. Vấn đề phát triển vùng cũng như bản thân các lý thuyết và chính sách phát triển vùng sau này luôn gắn liền với các vấn đề và lý thuyết kinh tế vùng [3].

Trên thực tế, các điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, địa hình và dân cư tự nhiên của một vùng miền nào đó đóng vai trò rất quan trọng trong việc quyết định khả năng và tốc độ tăng trưởng của vùng. Ngoài ra, sự kế thừa từ lịch sử phát triển của quốc gia nói chung và vùng địa lý đó nói riêng cũng là một yếu tố quan trọng không kém. Thực khó để đạt được trình độ phát triển đồng đều trong cả nước, nhưng không thể vì thế mà làm cho tình trạng này kéo dài và để các khoảng cách về phát triển ngày càng tăng lên. Khoảng cách trong phát triển giữa các vùng trong một quốc gia càng lớn thì các chỉ số thể hiện năng lực cũng như sức cạnh tranh của quốc gia sẽ có xu hướng càng nhỏ (ví dụ, GDP hay các chỉ số khác về thu nhập, hoặc chỉ số phát triển con người...). Mặt

khác, phát triển vùng luôn nhằm mục đích khai thác tối đa tiềm năng và những lợi thế của vùng đó, trước hết để đảm bảo phát triển vùng trong điều kiện các nguồn lực luôn bị hạn chế (có được lợi thế cạnh tranh chính là việc có thể đảm bảo một nguồn lực nào đó - nhân lực dồi dào, dư thừa, tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên... được tận dụng để giảm áp lực về sự khan hiếm) [4], sau đó là đóng góp vào sự phát triển chung của quốc gia (ví dụ việc khai thác tiềm năng du lịch của một vùng sẽ mang lại nguồn thu không chỉ cho địa phương, mà còn đóng góp vào GDP của đất nước)¹. Không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế, sự phát triển đồng đều giữa các vùng trong một quốc gia còn góp phần thu hẹp khoảng cách về văn hóa, xã hội (nâng cao dân trí, đảm bảo phúc lợi và an sinh xã hội...) hay góp phần củng cố quốc phòng - an ninh, đặc biệt là những vùng biên giới, biển đảo. Thêm vào đó, các thiên tai và thảm họa xảy ra do tác động của biến đổi khí hậu cũng đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn đến vấn đề quy hoạch và phát triển vùng một cách khoa học. Việc nghiên cứu về phát triển vùng còn nhằm thực hiện một hệ mục tiêu trong quản lý, trong đó có cải thiện chính sách kinh tế - xã hội, ban hành và thực thi các chính sách ở cấp vùng hoặc quốc gia, là giải pháp cho những vấn đề kinh tế - xã hội hiện tại... Từ quan niệm đó, phát triển vùng là một khâu phải thực hiện để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

Mục tiêu phát triển bền vững phải được nhìn nhận dưới các tiếp cận đa ngành và tiếp cận vùng cũng như một nhóm chính sách gắn kết và bổ sung trực tiếp cho nhau, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng nhanh chóng. Để có thể phát triển vùng tiến tới phát triển bền vững, nhất định phải nhận thức được tính đa dạng và phức tạp của vấn đề này. Như trên đã nêu, vấn đề phát triển vùng phải được dựa trên các lý thuyết kinh tế và tiếp cận liên ngành. Tuy nhiên, sau hàng loạt sự kiện cho thấy tình trạng tàn phá hệ sinh thái cũng như những điều kiện tự nhiên của con người, dẫn đến sự cạn kiệt nhiều nguồn tài nguyên quý giá và sự mất cân bằng nghiêm trọng hệ sinh thái, buộc phải có thái độ nghiêm túc khi suy nghĩ về phát triển nói chung, phát triển vùng nói riêng nếu chỉ dựa trên “lợi ích kinh tế”². Vì vậy,

¹Xem thêm Cooke P and Leydesdorff L (2006), “Regional Development in the Knowledge-Based Economy: The Construction of Advantage”, *Journal of Technology Transfer*, Vol.31, issue 1, pp.5-15.

²Xem thêm M. Nikolova (2011), *Scientific research basis for sustainable development of the Mountain regions: Main concepts and basic theories*.

chiến lược hay các mô hình phát triển vùng hiện nay không thể chỉ dựa trên tăng trưởng kinh tế, mà còn phải bao hàm cả hai yếu tố quan trọng khác là trách nhiệm xã hội và cao hơn nữa là gắn với phát triển bền vững.

Các tiếp cận lý thuyết trong nghiên cứu vùng

Tiếp cận vùng, tiếp cận chùm đổi mới (Lundvall, 1994), chùm vùng (Jacob và De Man, 1995) đã được đề cập đến trong các nghiên cứu khác nhau. Có thể kể đến nghiên cứu các doanh nghiệp mới, phát triển vùng và cách tiếp cận chùm do Sternberg R. (Đại học Cologne, CHLB Đức) tiến hành năm 2001, tập trung vào mối quan hệ giữa phát triển vùng, tiếp cận chùm và chính sách phát triển công nghệ cũng như vai trò của các doanh nghiệp trong khuôn khổ chùm.

Trong nghiên cứu của Cooke P. (Đại học Cardiff, UK, 2001) về đổi mới vùng và hệ thống học hỏi, chùm đổi mới, tác giả tập trung vào các vấn đề của đổi mới vùng, các vấn đề phát triển chùm địa phương cũng như các biện pháp hỗ trợ hệ thống học hỏi và đổi mới vùng, quan hệ giữa chùm và chuỗi giá trị trong lý thuyết kinh tế. Cùng hướng này, trong công trình nghiên cứu về động lực chùm - lý thuyết và thực tế tại Xcôtlen, Brown G. (Đại học Strathclyde, UK, 2000) đã xem xét những vấn đề lý thuyết về chùm và chiến lược dựa trên chùm, các mức độ mà ở đó các nhà hoạch định chính sách cố gắng thực hiện chiến lược chùm, đánh giá các cách tiếp cận và phương pháp khác nhau trong phân tích chùm cũng như đề xuất các biện pháp làm thế nào các quốc gia có thể xây dựng các chương trình chùm. Ngoài ra, còn phải kể đến dự án nghiên cứu của Tây Ban Nha về “đổi mới vùng và chính sách chùm - tìm kiếm cách tiếp cận mới” do Helander E. và Wollmann H. (2000) đề cập đến vai trò của vùng trong việc hình thành chính sách vùng, đánh giá đổi mới vùng và các chính sách chùm; hoặc nghiên cứu thực tế của Carlos Q. (Đại học Parana, Brasil, 2003) về thúc đẩy chùm đổi mới cho phát triển vùng Parana, Brasil.

Ở châu Âu, các nghiên cứu về các chùm vùng năm 2002 đã tập trung tìm hiểu những lợi thế cạnh tranh của chùm vùng, đặc trưng của các chùm vùng ở châu Âu cũng như xu thế phát triển của các chùm vùng ở khu vực này.

Báo cáo của Ủy ban châu Âu về chùm và mạng lưới cũng đưa ra cách xác định về chùm đổi mới, những thuận lợi, khó khăn, tóm tắt chính sách phát triển chùm của các quốc gia châu Âu. Đặc biệt, trong luận văn TS của Verbeek H. thực hiện tại Đại học Rotterdam, Hà

Lan năm 1999 về “chùm đổi mới” đã dựa trên các số liệu điều tra về đổi mới của châu Âu và lý thuyết về chuỗi giá trị, đã xây dựng các hình ảnh chùm đổi mới của một số quốc gia châu Âu. Các hình ảnh này cho biết các ngành công nghiệp nào trong một quốc gia có thể kết hợp thành “chùm” với nhau (tức là liên kết giữa các ngành này vượt qua một giới hạn nhất định về mối quan hệ theo lý thuyết chuỗi giá trị).

Như đã nêu ở trên, phát triển vùng phải dựa trên phát triển kinh tế vùng, do đó các lý thuyết phát triển vùng cũng phần lớn là dựa trên các lý thuyết phát triển kinh tế vùng. Dưới đây xin điểm qua một số lý thuyết phát triển vùng phổ biến nhất.

Lý thuyết cực tăng trưởng (growth pole theory)

Đây là lý thuyết của nhà kinh tế vùng người Pháp Francois Perroux (1955), với ý tưởng chung là tăng trưởng không xuất hiện đồng thời ở mọi nơi, mà chỉ xuất hiện ở một số điểm hoặc cực tăng trưởng với mức độ khác nhau; tăng trưởng sẽ lan truyền qua các kênh khác nhau và tạo ra các ảnh hưởng khác nhau cho nền kinh tế. Theo lý thuyết này, sự tăng trưởng kinh tế nói chung không thể đồng đều trong cả vùng, mà chỉ có thể diễn ra xung quanh một cực cụ thể (hay một cụm). Cực này được đặc trưng bởi sự hình thành và phát triển của ngành kinh tế chủ đạo của vùng đó, mà mỗi ngành chủ đạo lại có những đặc thù hay đòi hỏi riêng, do đó cực tăng trưởng chính là nơi có thể đáp ứng được một cách đầy đủ nhất các đòi hỏi riêng ấy. Sự phát triển của cực tăng trưởng sẽ thu hút và dẫn đến khả năng tích lũy ngày càng nhiều các yếu tố sản xuất (nhân lực, tài lực, vật lực...) về điểm cực đó. Sự tích lũy ngày càng nhiều đến lượt nó lại dẫn đến sự phát triển nhanh, đầy đủ và toàn diện hơn của ngành kinh tế chủ đạo. Cứ như thế, quy trình tích lũy và phát triển này sẽ tạo nên một địa điểm phát triển nhất trong toàn vùng, đồng thời cũng sẽ tạo ra hiệu ứng thúc đẩy các vùng xung quanh điểm cực, kích thích sản xuất, nâng cao năng suất lao động, dẫn đến nâng cao đời sống người dân.... Điều này về sau được gọi là “hiệu ứng nhỏ giọt” (trickle effect) (A.O. Hirschman). Như vậy, theo lý thuyết này, sẽ tồn tại đồng thời sự hướng tâm của các dòng nguồn lực sản xuất tới cực, và sự ly tâm của các dòng tiền, thông tin, tiến bộ khoa học và công nghệ... từ cực sang các vùng xung quanh³. Tuy nhiên, sự thu hút các yếu tố về một trọng tâm phát triển thường dễ dàng hơn và có vẻ là

³Xem thêm Darwent D (1969), “Growth poles and growth centers in regional planning - a review”, *Environment and Planning*, Vol.1, pp.5-32.

một xu hướng tất yếu, nên sau một thời gian càng dẫn đến khoảng giãn cách phát triển lớn hơn trong nội bộ vùng, hoặc giữa vùng này và các vùng khác [5, 6].

Lý thuyết vùng trung tâm (Central place theory) (Walter Christaller 1933)

Lý thuyết này xuất phát từ quan điểm về “những vị trí trung tâm cung cấp dịch vụ và hàng hóa cho các vùng xung quanh”. Các quan điểm của Christaller cho rằng, con người luôn thực hiện các hành vi mua bán ở những địa điểm gần và thuận tiện nhất, và khi nhu cầu về một loại hàng hóa cao đến một mức nhất định, sẽ lựa chọn các địa điểm gần nhất đó, và nếu nhu cầu giảm, thì hàng hóa đó có khả năng sẽ không được bày bán ở các địa điểm trung tâm (central places) đó nữa. Từ đây dẫn đến hai khái niệm hàng hóa bậc thấp (low - order goods) và hàng hóa bậc cao (high - order goods), trong đó bậc thấp có thể là các nhu yếu phẩm hàng ngày, bậc cao là những đồ dùng như phương tiện, máy móc, các thiết bị điện tử... Như vậy, ở mỗi vùng đều cần phải tồn tại nhiều địa điểm trung tâm để phục vụ các hàng hóa bậc thấp, đồng thời phải có số lượng ít hơn những địa điểm có thể đáp ứng hàng hóa bậc cao, thường là sẽ nằm ở các thị trấn hay thành phố lớn hơn, do đó phải đảm bảo việc xây dựng và quy hoạch những địa điểm này theo hướng tối giản hóa quãng đường phải di chuyển của người mua đến mức hợp lý nhất, bên cạnh sự phát triển đến một mức nhất định hệ thống đường xá hay thông tin liên lạc. Đây là một mô hình không gian vùng hợp lý và được áp dụng ở nhiều nơi trên thế giới [6, 7].

Lý thuyết Desakota (theo tiếng Indonesia, desa có nghĩa là làng, kota có nghĩa là thành phố)

Lý thuyết này đã được nhà nghiên cứu đô thị (urban researcher) Terry McGee tại Đại học British Columbia phân tích vào những năm 90 của thế kỷ trước. Đây là lý thuyết chú trọng cụ thể đến sự phát triển vùng của các nước đang phát triển ở châu Á. Trong quá trình đô thị hóa, ở khu vực này tồn tại một loại vùng đặc thù là vùng nông thôn nằm giữa các thành phố hay thị trấn lớn, chịu ảnh hưởng trực tiếp của các thành phố này, hình thành nên các khu công nghiệp, ngành dịch vụ riêng, đồng thời với các hoạt động phi nông nghiệp khác. Những vùng này dần dần phát triển đạt đến trình độ có thể gần bằng các thành phố hay thị trấn lớn xung quanh. Lý thuyết này cũng đưa ra 3 loại vùng Desakota điển hình: (a) lao động nông thôn di chuyển ra thành thị hoặc dịch chuyển sang các ngành phi nông nghiệp, (b)

tác động lan tỏa quá lớn dẫn đến việc các vùng xen giữa phát triển mạnh mẽ, tạo thành một dải vùng phát triển lớn hơn ban đầu, và (c) các vùng nông thôn vẫn tiếp tục với các ngành nghề truyền thống trong khi sản xuất phi nông nghiệp phát triển chậm⁴. Lý thuyết Desakota này đã khiến các nhà hoạch định chính sách chú ý nhiều hơn đến khả năng tự nhận diện tiềm năng của các vùng. Có thể nói, đây cũng là một lý thuyết phát triển vùng đáng chú ý và đã được nhiều nước ở châu Á và khu vực Đông Á triển khai.

Trên đây đã điểm qua ba lý thuyết phát triển vùng nổi bật: lý thuyết cực tăng trưởng, lý thuyết vùng trung tâm và lý thuyết Desakota. Trong đó, lý thuyết cực tăng trưởng nhấn mạnh tính tất yếu của việc tồn tại một điểm cực phát triển trong một vùng, nơi đáp ứng đầy đủ nhất các điều kiện hình thành và phát triển của ngành kinh tế vùng chủ đạo, và cũng là nơi sau đó thu hút dòng chảy các yếu tố sản xuất. Khác với lý thuyết cực tăng trưởng chỉ tập trung vào một điểm cực trong một vùng, lý thuyết vùng trung tâm nhấn mạnh việc quy hoạch và xây dựng những địa điểm trung tâm có thể đáp ứng nhu cầu hàng hóa bậc thấp và bậc cao một cách hợp lý nhất. So với hai lý thuyết trên, lý thuyết Desakota dành sự quan tâm đặc biệt đến khoảng cách phát triển nông thôn - thành thị và vùng xen giữa. Đây cũng là lý thuyết phù hợp với khu vực châu Á, nơi có nhiều nước đang phát triển và đang tiến hành công nghiệp hóa. Nhìn chung, vấn đề phát triển vùng hay phát triển kinh tế vùng còn mới, nên chưa có nhiều lý thuyết liên quan. Tuy nhiên, những lý thuyết nêu trên đã giúp nhận diện được nhiều vấn đề trong phát triển vùng cũng như đóng góp các mô hình phát triển vùng hiệu quả [6, 8].

Bàn luận về một số vấn đề trong phát triển vùng ở Việt Nam

Tại Việt Nam, vấn đề phát triển toàn diện và bền vững cũng gắn liền với phát triển (kinh tế) vùng. Phát triển vùng nhằm nhằm giải quyết vấn đề về cách thức để tận dụng tiềm năng của mỗi vùng, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa khu vực sinh sống của người Kinh và các

⁴Xem thêm Moench M and Gyawali D (2008), “Desakota: Reinterpreting the Urban-Rural Continuum”, *Natural Environment Research Council*, UK, trong báo cáo tổng thể của chương trình Ecosystem Services for Poverty Alleviation (ESPA). Ngoài ra, các nghiên cứu trường hợp của Sui D and Zeng H (2001), “Modeling the dynamics of landscape structure in Asia’s emerging desakota regions: a case study in Shenzhen”, *Landscape and Urban Planning*, Vol.53, issues 1-4, pp.37-52.

dân tộc thiểu số. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 đã chỉ rõ “thúc đẩy phát triển những vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực và điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh hơn những vùng còn khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, các vùng Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc và các tỉnh miền Trung. Lựa chọn một vài địa phương tiềm năng, đặc biệt là trong các tỉnh duyên hải, để xây dựng những vùng kinh tế mũi nhọn” (Nghị định 04/2008/NĐ-CP). Ý thức được tầm quan trọng của phát triển vùng, Việt Nam đã bắt đầu quy hoạch phân vùng từ khá sớm, và cho tới nay, đã xây dựng và hình thành bảy vùng kinh tế trong cả nước bao gồm: Tây Bắc, Đông Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long với ba khu vực kinh tế trọng điểm ở Bắc, Trung, Nam. Những thành tựu kinh tế - xã hội tích cực đã xuất hiện, ví dụ như việc gia tăng số lượng hàng hóa thế mạnh ở mỗi vùng. Hiện tại, song song với việc khai thác thế mạnh của các vùng, Nhà nước đang tập trung phát triển một số vùng miền núi, biên giới hay vùng Tây Nam Bộ thông qua các chương trình trọng điểm quốc gia “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2013-2018”, “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2014-2019”, “Tây Nguyên 3”. Thêm vào đó, các khuyến khích và ưu đãi từ địa phương và chính phủ để thu hút đầu tư, nhằm tăng mức độ xã hội hóa nguồn vốn phát triển vùng cũng đang được triển khai và tỏ ra khá hiệu quả [9, 10].

Trong công tác phát triển vùng, việc phát triển bền vững khu vực miền núi đang trở thành một vấn đề đáng lưu tâm vì đây là những khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh và còn kém phát triển. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia châu Âu và các thành viên khác trong khối OECD đã khẳng định, các chính sách hướng tới phát triển bền vững khu vực miền núi nhất thiết phải là tập hợp các chính sách hình thành từ tiếp cận liên ngành. Cũng như vùng hải đảo ở Việt Nam, khu vực miền núi không những có địa hình đặc biệt hiểm trở, chiếm diện tích lớn mà hầu hết còn đều thuộc các tỉnh biên giới có vị trí trọng yếu về quốc phòng và an ninh. Dân cư phân tán, chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, dân trí thấp, không chỉ cần có các biện pháp kinh tế, văn hóa, xã hội, mà còn cần sự hỗ trợ tích cực của các chính sách quốc phòng - an ninh, hay sự tham gia của các tổ chức/chuyên gia trong lĩnh vực môi trường (liên quan đến việc bảo vệ, giữ gìn cân bằng sinh thái, chống biến đổi khí hậu...). Trong vấn đề

này, chúng ta nên học tập kinh nghiệm trong triển khai dự án “The Eastern Black Sea Regional Development Plan (DOKAP)”. Đây là một dự án nhằm phát triển một trong những vùng kém phát triển nhất của Thổ Nhĩ Kỳ, nâng cao mức sống và thu nhập của người dân, xóa bỏ dần dần sự chênh lệch phát triển giữa các vùng, cũng như để tăng cường khả năng phát triển bền vững của vùng đó. Cho đến nay, dự án đã thực hiện thành công nhiều mục tiêu, với những kết quả nổi bật như: (1) nhận thức được nguyên nhân kém phát triển của khu vực này là do sự thiếu hụt các nguồn lực cũng như khả năng có được các nguồn lực đó, từ đó có các kế hoạch phân bổ nguồn lực đúng đắn, tập trung trước hết để củng cố các cơ sở hạ tầng giao thông và thông tin liên lạc. Các tuyến giao thông vốn dĩ vô cùng cần thiết cho giao thương (các sản phẩm nông nghiệp thường mang tính thời vụ, không thể bảo quản lâu); hơn nữa, đường xá và thông tin còn giúp đẩy mạnh tương tác hai chiều giữa nội bộ vùng và các vùng khác, giúp cho việc tiếp cận với các vùng miền núi vốn có vẻ xa xôi hiểm trở, trở nên dễ dàng và thông suốt hơn; (2) nhận thức được phát triển du lịch là nguồn thu đáng kể cho nhiều vùng miền núi, trên cơ sở khai thác triệt để thế mạnh thiên nhiên vốn có, và còn góp phần giúp cư dân trong vùng hội nhập hơn vào nền kinh tế quốc dân cũng như môi trường toàn cầu. Sự đa dạng về địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, cảnh quan... và văn hóa chính là yếu tố góp phần tích cực nhất vào việc thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, phát triển du lịch bền vững cũng là một mục tiêu được xác định rõ ràng từ ban đầu của dự án này; (3) xây dựng, quy hoạch các công viên quốc gia. Đây chính là một mô hình để phát triển vùng núi bền vững, bằng cách thu hút khách du lịch chủ yếu nhờ vào các yếu tố thiên nhiên và các đặc điểm văn hóa. Điểm đáng nói là các công viên quốc gia này không chỉ đơn thuần là các khu quy hoạch và bảo tồn, phát triển cây xanh, hay muông thú mà còn là nơi DOKAP đã quy hoạch cả các làng bản của cư dân, tiếp tục các hình thức nuôi trồng và sản xuất truyền thống của họ, với cây chè là nông sản chính và khá nổi tiếng từ xa xưa [11]. Du khách đến đây, bên cạnh các hoạt động giải trí đã ngoại thông thường còn có thể quan sát và tham gia trực tiếp vào đời sống của người dân⁵...

Từ những kinh nghiệm nêu trên, chúng tôi thấy rằng, trên thực tế, khu vực miền núi của Việt Nam, mà cụ thể hơn là vùng Tây Bắc, là một khu vực có rất nhiều

⁵Xem thêm Mehmet Somuncu, *Sustainable development in the Eastern Black Sea Mountains: Present state and Perspectives*.

tiềm năng phát triển. Các vùng núi của Việt Nam thậm chí có nhiều lợi thế để có thể phát triển theo hướng đi tích cực này. Sự đa dạng của thiên nhiên, địa hình, các cộng đồng người dân tộc và văn hóa nơi đây chính là một yếu tố rất quan trọng để phát triển du lịch. Những cao nguyên đá Đồng Văn, ruộng bậc thang, hoa ban, hoa mận nở trắng rừng, những phiên chợ vùng cao, hay sự rực rỡ của những bộ trang phục truyền thống của bà con dân tộc... đều có sức hấp dẫn đặc biệt với du khách. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất mà Việt Nam cần phải xúc tiến triển khai, đó là tăng cường khả năng tiếp cận đối với khu vực này thông qua việc hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng và thông tin liên lạc, nhất là việc xây dựng những con đường giao thông quan trọng và điện khí hóa tới từng bản làng. Yếu tố cơ sở hạ tầng có vững thì những vấn đề phát triển có chiều sâu hơn và phát triển bền vững mới có thể đạt được hiệu quả. Bên cạnh đó, vấn đề phát triển bền vững du lịch vùng cũng cần được tiến hành đồng thời theo một quy hoạch tổng thể ngay từ ban đầu, để có thể ngăn ngừa từ sớm những hành vi tự phát, tăng cường trách nhiệm xã hội trong vấn đề phát triển du lịch. Có thể bắt đầu bằng những việc nhỏ nhất, như trong việc giữ gìn vệ sinh cảnh quan thiên nhiên, hay khai thác hạn chế theo số lượng và khả năng có thể, không chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt.... Khai thác được thể mạnh du lịch này chính là một nguồn cung dồi dào cho việc tiếp tục đầu tư hạ tầng cơ sở, hay sử dụng có hiệu quả lao động địa phương. Tuy nhiên, trong quy hoạch phát triển, bên cạnh việc khai thác, phát huy lợi thế để phát triển cũng cần phải hết sức lưu ý tới vị trí quốc phòng - an ninh trọng yếu của các tỉnh biên giới. Tăng cường các biện pháp an ninh là một điều cần thiết để tránh các nguy cơ bùng phát từ việc tăng cường tiếp cận từ bên ngoài hay mở rộng hoạt động du lịch.

Kết luận

Phát triển vùng đang ngày càng trở nên quan trọng, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn cầu. Trong khi sự chênh lệch phát triển giữa các vùng trong nước đang có xu hướng ngày càng gia tăng, thì việc sử dụng các chính sách phát triển vùng nhằm thu hẹp khoảng cách này, tạo đà phát triển cho các vùng kém phát triển hơn, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết. Kinh nghiệm trong phát triển vùng, thậm chí kinh nghiệm quốc tế trong hoạch định và thực thi chính sách vùng là không thiếu, hơn nữa là rất đa dạng. Nhiều quốc gia cũng rất cởi mở trong việc chia sẻ các kinh nghiệm từ thực tiễn của mình cho các nước bạn. Tuy nhiên, việc

hoạch định hay thực hiện các chính sách vùng không thể có sự dập khuôn máy móc mà phải thật linh hoạt trên cơ sở các tiếp cận liên ngành. Thời gian gần đây, nước ta rất chú trọng tới việc phát triển các khu vực miền núi, vì các lý do cấp thiết liên quan tới tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh. Qua kinh nghiệm phát triển vùng nói chung, vùng núi nói riêng của một số nước, có thể thấy việc quan trọng nhất trước hết đối với khu vực này chính là cần có hệ thống cơ sở hạ tầng được tăng cường toàn diện, đi đôi với vấn đề đảm bảo chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự tài trợ của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, Đại học Quốc gia Hà Nội cho đề tài này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Dunford, Micheal, *Area definition and classification and regional development finance: The European Union and China*, <https://www.sussex.ac.uk/webteam/gateway/file.php?name=area-definition-and-classification&site=2> (truy cập lần cuối 14.4.2015).
- [2] Casey J. Dawkins (2003), "Regional development theory: Conceptual foundations, Classic works, and recent developments", *Journal of Planning Literature*, **18(2)**, http://www.slideshare.net/yutri_aprillia/regional-development-theory-urban-and-regional-planning (truy cập lần cuối 16.1.2015).
- [3] Phi Vinh Tuong (2012), *Regional Development along Economic Corridors: Southern Coastal and Northern Sub - Corridors in Vietnam in Emerging Economic Corridors in the Mekong Region*, edited by Masami Ishida, BRC Research Report No.8, Bangkok Reseach Center, IDE - JETRO, Bangkok, Thailand.
- [4] Harmaakorpi, Vesa & Pekkarinen, Satu (2002), *The concept of regional platform and Regional development Platform Method as a tool for Regional Development*, ERSA conference.
- [5] Rodrigue, Jean - Paul (2013), *The geography of transport systems* Routledge, 3rd edition, <http://people.hofstra.edu/geotrans/eng/ch2en/conc2en/geothpols.html> (truy cập lần cuối 14.4.2015).
- [6] Phạm Sĩ Liêm, *Tóm lược nguyên lý kinh tế học và quy hoạch tổng thể vùng*, <http://tonghoixaydungvn.vn/Gi%E1%BB%9Bithi%E1%BB%87u/tabid/89/catid/115/item/6728/gioi-thieu-tom-luoc-nguyen-ly-kinh-te-hoc-va-quy-hoach-tong-the-vung.aspx> (truy cập lần cuối 14.4.2015).
- [7] Briney, Amanda, *An overview of Christaller's central place theory*, <http://geography.about.com/od/urbaneconomicgeography/a/centralplace.htm> (truy cập lần cuối 14.4.2015).
- [8] Smirnova, Vera (2013), *Desakota, the emergence of extended metropolitan region in South-East Asia: adaptive model of urban planning*, class project 2013, <http://cargocollective.com/verasmirnova/Desakota-the-emergence-of-extended-metropolitan-region-in-South-East> (truy cập lần cuối 14.4.2015).
- [9] Quy hoạch vùng của Việt Nam, <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/quyhoachvung> (truy cập lần cuối 16.1.2015)
- [10] Tổng quan vùng Tây Bắc, <http://dattaybac.com/GioiThieu.aspx?MenuId=31&LeftMenu=3> (truy cập lần cuối 16.1.2015).
- [11] Georgi Zhelezov (Editor 2011), *Sustainable development in mountain regions Southeastern Europe*, Springer.

Tổng mục lục năm 2015

1TT	Tác giả	Tên bài	Số	Số trang
Khoa học tự nhiên				
1	Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Bích Hà...	Phương pháp tích phân phiếm hàm trong lý thuyết lượng tử về plasmon	1	1
2	Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Hải Yến...	Tính chất từ, hiệu ứng từ nhiệt và các tham số tới hạn của các băng hợp kim $Ni_{50}Mn_{50-x}Sb_x$	1	9
3	Cao Đình Triều, Lê Văn Dũng...	Đánh giá độ nguy hiểm động đất lưu vực sông Cả - Rào Nậy	1	13
4	Đoàn Văn Tuyến, Đinh Văn Toàn...	Một số kết quả nghiên cứu nguồn nước nóng Bang, tỉnh Quảng Bình	1	21
5	Trần Mạnh Hải, Nguyễn Hoài Châu...	Tổng quan về kỹ thuật yếm khí cao tải trong xử lý nước thải	1	26
6	Lê Phước Cường, Lê Thị Xuân Thùy...	Ứng dụng phương pháp lọc từ tính để tách kim loại nặng trong nước thải công nghiệp	1	32
7	Nguyễn Minh Lân, Phạm Bá Quyền...	Giải pháp nâng cao trữ lượng khai thác nước dưới đất vùng ven sông Hồng ở Đồng bằng Bắc Bộ	1	36
8	Tô Quang Toàn, Tăng Đức Thắng	Nghiên cứu ảnh hưởng của các kích bản phát triển thượng lưu đến thay đổi dòng chảy, môi trường và kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long	1	43
9	Đỗ Chí Linh, Phạm Thy San...	Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá tính chất vật liệu xúc tác hợp kim có kích thước nano PtNi/C cho phản ứng khử oxy trong pin nhiên liệu màng trao đổi proton	1	52
10	Nguyễn Lê Huy, Nguyễn Hải Bình...	Nghiên cứu và phát triển cảm biến sinh học tại Việt Nam: hiện trạng và triển vọng	1	57
11	Nguyễn Huy Dân, Đỗ Thị Kim Anh...	Hiệu ứng từ nhiệt và các tham số tới hạn của băng hợp kim ngụy nhanh $Fe_{90-x}Gd_xZr_{10}$	6	1
12	Bùi Thị Thanh Lan	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm hệ LIDAR VF	6	5
13	Nguyễn Văn Khôi, Phạm Thị Thu Hà...	Vật liệu hấp thụ dầu từ copolyme ghép của sợi tre và các ankyr acrylat	6	10
14	Đào Thị Phương Thảo, Phạm Thị Vân...	Nghiên cứu cố định Zr(IV) nồng độ thấp trên than hoạt tính theo phương pháp thủy nhiệt trong môi trường NH_3 để hấp phụ asen trong nước	6	15
15	Hoàng Phi Phụng, Nguyễn Duy Khang...	Sử dụng kênh coastal aerosol và cirrus để khử haze cho ảnh Landsat 8 OLI	6	21
16	Cao Xuân Hiếu, Hoàng Thị Như Phương	Bèo tấm, lời giải tiềm năng cho bài toán bùng nổ dân số toàn cầu	6	28
17	Nguyễn Cường, Trương Nam Hải...	Lắp ráp và chú giải hệ gen vi tảo biển dị dưỡng <i>Schizochytrium mangrovei</i> PQ6 của Việt Nam	6	37
18	Võ Thị Thương Lan, Tạ Bích Thuận...	Xây dựng đối chứng chuẩn cho kỹ thuật MS-PCR xác định methyl hóa promoter <i>BRCA1</i> ở mẫu bệnh phẩm ung thư vú	6	42
19	Bùi Hùng Thắng, Phan Ngọc Minh...	Ứng dụng chất lỏng chứa thành phần ống nano cacbon đa tường trong tản nhiệt cho đèn LED công suất lớn	6	47
20	Ngô Đức Thế	Tổng quan về In-situ TEM ứng dụng trong các nghiên cứu vật lý, hóa học và năng lượng	6	54
21	Hoàng Trang, Trần Văn Hoàng...	Kiến trúc vi mạch cho nhận dạng tiếng nói tiếng Việt thiết kế theo quy trình ASIC, trên nền công nghệ 130 nm TSMC	10	1
22	Trần Đình Lâm, Nguyễn Mạnh Cường...	Một cấu trúc mới của bộ khuếch đại VGA công nghệ CMOS	10	8
23	Đặng Đình Long, Phạm Thanh Đại	Siêu rắn: trạng thái mới của vật chất	10	14
24	Nguyễn Thế Lâm	Mô hình hóa phổ hấp thụ của chấm lượng tử	10	23
25	Chu Văn Ngợi, Nguyễn Trọng Tín...	Cơ chế hình thành và các giai đoạn phát triển Biển Đông	10	27
26	Hà Minh Hòa	Các kết quả xây dựng mô hình địa hình động lực trung bình cục bộ sát nhất với mặt biển trung bình trên lãnh hải Việt Nam	10	33
27	Trần Thị Thu Hiền, Đặng Hòa Vinh	Đặc điểm địa hình, cấu trúc địa chất và diễn biến đường bờ đới bờ biển Tây Cà Mau	10	40
28	Cao Đình Triều, Phan Thanh Quang...	Nguy hiểm nứt sụt đất, trượt lở đất và động đất ở khu vực thủy điện Khe Bốc - Bản Vẽ	10	46
29	Trần Đình Lân, Nguyễn Đăng Ngải...	Ghi nhận mới về đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật tại vùng nước ven các đảo Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ và Thổ Chu	10	54
30	Vũ Thị Thu Lan, Lương Hữu Dũng...	Xác định biến động mực nước hạ du sông Hồng dưới tác động của hệ thống các công trình thủy điện thượng du	10	59
Khoa học y - dược				
31	Nguyễn Lân Việt, Đỗ Doãn Lợi...	Nghiên cứu sử dụng tế bào gốc tự thân trong điều trị suy tim sau nhồi máu cơ tim	2	1
32	Nguyễn Mậu Định, Nguyễn Duy Huế...	Kết quả điều trị chấn thương gan bằng can thiệp nội mạch tại Bệnh viện Việt - Đức	2	8
33	Phạm Thị Mai, Đỗ Quyết...	Kết quả sinh thiết hút xuyên thành phế quản dưới hướng dẫn của nội soi siêu âm phế quản	2	15
34	Đông Khắc Hưng, Tạ Bá Thắng...	Kết quả bước đầu làm giảm thể tích phổi bằng van phế quản điều trị khí thũng nặng	2	19
35	Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thúy Ngân...	Các thông số huyết động đo bằng USCOM có đủ độ tin cậy?	2	24
36	Nguyễn Đình Tào	Chẩn đoán di truyền tiền làm tổ và triển vọng ứng dụng tại Việt Nam	2	28

37	Hoàng Văn Đức, Nguyễn Thị Thanh Duyên...	Sử dụng quy hoạch thực nghiệm trong nghiên cứu bào chế viên nén felodipine giải phóng kéo dài hệ cốt thân nước	2	33
38	Nguyễn Thị Thùy Trang, Đoàn Chính Chung...	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm Etanercept bằng công nghệ protein tái tổ hợp dùng trong điều trị viêm khớp dạng thấp	2	39
39	Nguyễn Thanh Hà, Lê Minh Trí...	Nghiên cứu bào chế thuốc tiêm Paclitaxel dạng dung dịch pha tiêm truyền và dạng bột đông khô	2	44
40	Phan Thị Mỹ Hoàng, Bành Thị Ngọc Quỳnh...	Xây dựng phương pháp định lượng carboplatin trong thuốc tiêm đông khô carboplatin bằng HPLC	2	51
41	Vũ Tuấn Anh, Chử Văn Mến	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến chất lượng sinh khối sâm Ngọc Linh trên hệ thống bioreactor 100 l	2	55
42	Đỗ Thị Thảo, Nguyễn Thị Cúc...	Tác dụng bảo vệ gan của cao rễ cây Xáo tam phân (Paramignya Trimeria) trên mô hình chuột bị gây tổn thương gan bằng paracetamol	2	60
43	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Mạnh Khánh...	Nghiên cứu sử dụng TBG tủy xương tự thân trong điều trị khớp giả, hoại tử vô khuẩn chỏm xương đùi và kéo dài chi	8	1
44	Nguyễn Tiến Bình, Vũ Nhất Định	Phẫu thuật nội soi khâu sụn viền kết hợp tạo chốt xương ở bờ trước ổ chảo điều trị mất vững phía trước khớp vai	8	7
45	Đỗ Quyết, Nguyễn Xuân Khái...	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả bước đầu điều trị chít hẹp khí quản bằng nội soi can thiệp	8	13
46	Nguyễn Tiến Quyết, Hoàng Long...	Kết quả điều trị chấn thương gan bằng phẫu thuật nội soi tại Bệnh viện Việt Đức	8	20
47	Nguyễn Đình Tảo, Quàn Hoàng Lâm...	Đánh giá ảnh hưởng của laser trên một số chỉ tiêu hình thái phôi 3 ngày tuổi để chẩn đoán di truyền tiền lâm tử	8	26
48	Lê Thị Luân, Nguyễn Thị Yến...	Nghiên cứu sản xuất mẫu chuẩn vi rút Rota cho kiểm định vắc xin Rotavin-M1	8	32
49	Vũ Tuấn Anh, Chử Văn Mến	Ảnh hưởng của thời gian và số lần cấy chuyển đến sự phát triển và hàm lượng hoạt chất của tế bào sâm Ngọc Linh	8	36
50	Trương Công Trí, Dương Chí Toàn...	Phân tích nhiệt vi sai hoạt chất Paclitaxel với các tá dược lipid	8	39
51	Nguyễn Tuấn Quang, Phạm Thị Minh Huệ	Nghiên cứu bào chế Liposome Amphotericin B	8	43
52	Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Thị Hà...	Nghiên cứu tổng hợp Tenofovir disoproxil fumarate	8	47
53	Trần Công Luận, Vương Chí Hùng...	Bán tổng hợp Paclitaxel từ 10-Deacetyl Baccatin trích từ cây Thông đỏ Lâm Đồng	8	51
54	Nguyễn Minh Túy, Ngô Thanh Hòa...	Nghiên cứu định lượng Wedelolacton trong cao khô dược liệu Cô nhọ nổi bằng phương pháp HPLC	8	56
55	Nguyễn Mạnh Cường, Trần Thu Hương...	Các hợp chất anthraquinone phân lập từ rễ cây Nhỏ đông ở Việt Nam	8	60
Khoa học nông nghiệp				
56	Dương Thành Tài, Bạch Thị Vững...	Kết quả lai tạo dòng lúa bất dục đực CT6A	3	1
57	Văn Đình Hải, Phan Thanh Phương...	Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ tưới và dinh dưỡng đến sự ra hoa của các giống lan Hoàng thảo trong vụ đông tại miền Bắc Việt Nam	3	5
58	Lương Đức Toàn, Nguyễn Văn Đạo...	Đánh giá khả năng thích hợp đất đai cho một số cây trồng chính vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam	3	11
59	Đặng Thị Hà, Phan Thúy Hiền	Bệnh thối gốc trên cây Đan sâm tại Việt Nam	3	19
60	Từ Quang Hiển, Từ Quang Trung...	Xác định giá trị năng lượng trao đổi của bột lá sắn trên gà thịt giống Lương phượng	3	23
61	Nguyễn Hữu Trà, Hàn Quốc Vương...	Ảnh hưởng của một số yếu tố đến tỷ lệ thụ thai của trâu bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo và đánh giá khả năng sinh trưởng của trâu lai F1	3	27
62	Lương Nhân Tuấn, Lưu Quang Minh...	Xác định và phân nhóm các chủng virus gây hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn phân lập tại Việt Nam	3	33
63	Hoàng Văn Thắng	Xác định tên khoa học cho một số loài Sô chính đang được sử dụng trong trồng rừng ở các tỉnh phía Bắc	3	38
64	Ngô Văn Mạnh, Lại Văn Hùng...	Ảnh hưởng của khẩu phần ăn tới sinh trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng giai đoạn giống	3	42
65	Phạm Thị Tâm, Nguyễn Mạnh Hùng...	Nghiên cứu sản xuất vắc-xin phòng bệnh hoại tử thần kinh cho cá mú nuôi tại Việt Nam	3	47
66	Nguyễn Thị Lang, Bùi Chí Bửu...	Chọn dòng lúa (<i>Oryza sativa</i> L.) chống chịu nóng bằng chỉ thị phân tử ở các tỉnh phía Nam	3	53
67	Lê Tất Khương, Đặng Ngọc Vượng	Ảnh hưởng của độ cao hái máy đến sinh trưởng, năng suất và phẩm cấp chè nguyên liệu của một số giống chè tại Thái Nguyên	3	60
68	Nguyễn Bích Hà Vũ, Võ Công Thành	Nghiên cứu sự thích nghi của cây lúa trong điều kiện mặn	9	1
69	Lê Đức Thảo, Nguyễn Văn Mạnh...	Ảnh hưởng của liều lượng chiếu xạ tia gamma Co ⁶⁰ đến khả năng tạo biến dị có lợi trong chọn giống đậu tương	9	5

70	Nguyễn Văn Vấn, Trần Thanh Toàn...	Những nguyên nhân gây suy thoái và rút ngắn chu kỳ kinh doanh của các vườn cà phê ở Tây Nguyên	9	10
71	Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Lệ Hương...	Ảnh hưởng của môi trường nuôi trứng, nuôi phôi lên sự hình thành và phát triển phôi bò sữa cao sản	9	17
72	Từ Quang Hiển, Trần Việt Hà...	Xác định giá trị năng lượng trao đổi của bột lá keo giàu trên gà thịt giống Lương phượng	9	23
73	Võ Ngươn Thảo, Trương Thị Nga...	Tập tính ăn 3 loại lá rừng ngập mặn, hàm lượng dinh dưỡng trong lá và phân Ba khía tại Cà Mau	9	27
74	Nguyễn Anh Tuấn, Châu Thành Tươi...	Ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất chlorpyrifos ethyl lên cholinesterase ở cá lóc giai đoạn giống	9	33
75	Vì Thị Xuân Thủy, Chu Hoàng Mậu...	Đặc điểm phân tử của gen <i>defensin 1</i> phân lập từ một số mẫu ngô có khả năng kháng một khác nhau	9	38
76	Huỳnh Thị Thu Huệ, Bùi Mạnh Cường...	Thiết kế vector biểu hiện thực vật mang gen <i>ZmDREB2A-S</i> tổng hợp nhân tạo và biến nạp vào <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	9	44
77	Nguyễn Phương Thúy, Đào Thị Bé Bảy...	Sử dụng chỉ thị phân tử SSRs để phân tích đa dạng di truyền các dòng/giống bưởi thu thập ở các vùng sinh thái khác nhau của Việt Nam	9	49
78	Phạm Hương Sơn, Nguyễn Thị Lại	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất điều hòa sinh trưởng thực vật lên sự phát sinh hình thái của cây Đảng sâm trong điều kiện in vitro	9	55
79	Đỗ Thị Thực, Trần Hồ Quang...	Chuyển gen tăng chiều dài sợi gỗ (<i>EcHB1</i>) vào cây thuốc lá và đánh giá biểu hiện gen	9	60
Khoa học kỹ thuật và công nghệ				
80	Nguyễn Đình Luyện, Phạm Yến Khang...	Nghiên cứu sự tạo phức giữa Y(III) với thuốc thử 4-(3-methyl-2-pyridylazo) resorcinol bằng phương pháp hấp thụ phân tử	4	2
81	Dương Hồng Anh, Phạm Hùng Việt...	Phân tích hàm lượng PCBs trong dầu biển thể bằng hai phương pháp thử nhanh và sắc ký khí khối phổ	4	6
82	Trần Thị Dung, Đỗ Đình Khải...	Đánh giá một số chỉ tiêu tách lọc của màng Polyamid BW30 sau khi trùng hợp ghép quang hóa bề mặt	4	12
83	Nguyễn Quang Trung, Vũ Thị Ngân Huyền...	Nghiên cứu phổ hấp thụ của một số hợp chất hữu cơ trong nước thải nhuộm và ảnh hưởng của một số ion nhằm xác định COD bằng quang phổ hấp thụ tử ngoại UV 254 nm	4	18
84	Dương Hồng Anh, Phạm Hùng Việt...	Tối ưu quy trình tách các nhóm anion và cation cơ bản trong mẫu nước nhằm phân tích đồng thời các ion bằng hệ thiết bị điện di mao quản xách tay tự động loại 2 kênh	4	23
85	Lê Văn Dũng, Nghiêm Xuân Thung...	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số ion kim loại đến khả năng thu hồi amoni trong nước thải biogas bằng phương pháp hóa học	4	30
86	Chu Văn Hải, Mai Tuấn Anh	Phát thải các PCDD/F trong khí thải, nước thải, bùn thải từ lò đốt chất thải y tế ở thành phố Hồ Chí Minh	4	34
87	Phạm Hùng Việt, Dương Hồng Anh...	Xác định đồng thời nồng độ một số cation và anion trong nước ngầm bằng hệ thiết bị điện di mao quản đa kênh điều khiển tự động	4	39
88	Nguyễn Thị Hà, Phạm Thị Nga...	Nghiên cứu sự sinh khí metan từ hệ thống UASB xử lý nước thải tại Công ty Cổ phần Mía đường Hòa Bình	4	45
89	Trần Mạnh Hải, Nguyễn Triều Dương...	Vai trò của công tác đánh giá chất lượng nước thải chăn nuôi lợn trong việc xác định công nghệ xử lý	4	50
90	Mai Thị Phương Thảo, Kajiyama Mikio...	Nghiên cứu ảnh hưởng của dung môi đối với quá trình cấy ghép ethyl acrylate và methyl methacrylate lên sợi keratin có nguồn gốc từ lông gà	4	55
91	Lê Thị Hồng Hảo, Lê Đình Chi	Xác định sibutramin có mặt trái phép trong thực phẩm chức năng giảm béo bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	4	60
92	Lê Xuân Lâm, Trần Bá Việt	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng sợi thép đến các tính chất của bê tông tính năng siêu cao	7	1
93	Nguyễn Hồng Nam, Ngô Thị Ngọc Vân	Hóa lỏng của cát sông Hồng khu vực cảng Hà Nội chịu tải trọng chu kỳ không thoát nước	7	7
94	Trần Văn Tuấn, Hồ Anh Tuấn...	Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống quan trắc lưu lượng dòng chảy và lượng mưa hỗ trợ điều tiết an toàn hệ thống hồ thủy điện Hòa Bình	7	12
95	Đặng Quang Thiệu, Nguyễn Thị Bảo Mỹ...	Ứng dụng vi xử lý ARM chế tạo thiết bị quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	7	16
96	Phạm Văn Hoà, Phạm Thành Nam...	Giải pháp sử dụng truyền thông trong lưới điện thông minh hạ áp của Trạm biến áp Dịch Vọng 22	7	20
97	Lê Anh Quốc, Nguyễn Quốc Hiến...	Nghiên cứu chế tạo bạc nano trên nền Zeolite bằng phương pháp chiếu xạ ứng dụng làm tác nhân diệt khuẩn trong nhựa	7	25
98	Đào Duy Anh	Nghiên cứu công nghệ tuyển và chế biến quặng liti vùng La Vi, tỉnh Quảng Ngãi	7	31
99	Nguyễn Thị Bích Thủy, Cao Công Ánh...	Một số kết quả nghiên cứu chế tạo sơn vạch đường polyurea	7	35
100	Thái Hà Phi, Thái Khánh Phong...	Nghiên cứu áp dụng phương pháp đo nhanh hàm lượng kim loại nặng trong bụi đường ở Việt Nam bằng thiết bị huỳnh quang tia X cầm tay	7	40

101	Nguyễn Đình Trung, Ning Ping	Sinh hấp phụ của các ion Pb^{2+} , Cu^{2+} , Cd^{2+} trong hệ đơn và đa kim loại bởi hạt bùn hiếu khí đã được xử lý	7	44
102	Trần Hùng Thuận, Chu Xuân Quang...	Đánh giá tiềm năng ứng dụng công nghệ MBR cho xử lý nước thải nhiễm dầu ở Việt Nam	7	52
103	Nguyễn Nguyên An, Tạ Văn Chương	Đánh giá hiệu quả hệ thống cung cấp nước nóng dùng bộ thu năng lượng mặt trời kết hợp với bơm nhiệt	7	59
104	Bùi Ngọc Hưng, Trần Ngọc Huy...	Nghiên cứu ảnh hưởng của nguồn gốc đá, cấp phối cốt liệu và loại nhựa đến khả năng kháng hần lún vệt bánh xe của bê tông nhựa	11	1
105	Trần Thái Hùng, Lê Sâm...	Nghiên cứu diễn biến lan truyền thấm trong đất của kỹ thuật tưới nhỏ giọt cho cây nho lấy lá trên vùng khan hiếm nước	11	8
106	Phạm Hùng Cường	Những biến đổi trong kiến trúc nhà ở dân tộc Thái (tỉnh Yên Bái), từ truyền thống đến hiện đại	11	13
107	Đào Văn Hiệp, Đào Trung Kiên	Điều khiển Exoskeleton dùng sensor EMG	11	19
108	Dương Ngọc Huyền, Nguyễn Trường Minh...	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế tạo modul và giải pháp nâng cao hiệu quả hệ thống điện mặt trời Si	11	26
109	Trịnh Văn Hạnh, Trương Thị Hồng Nhung...	Nghiên cứu sản xuất bả dạng gel diệt gián Mỹ	11	31
110	Nguyễn Thị Kim Ngân, Bạch Long Giang...	Nghiên cứu ảnh hưởng của titan dioxit và benzophenon lên quá trình phân hủy quang hóa của polyethylen	11	35
111	Trần Quốc Dũng	Đánh giá phóng xạ tự nhiên và liều chiếu ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương	11	41
112	Nguyễn Phương, Hoàng Thị Hường...	Nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật tách pha nhằm hoàn thiện quy trình tách dầu dừa tinh khiết bằng công nghệ không gia nhiệt	11	47
113	Lê Quang Luân, Đỗ Thị Phượng Linh...	Nghiên cứu tạo chế phẩm nano vàng/carboxymethyl chitosan bằng kỹ thuật bức xạ ứng dụng làm chất chống oxy hóa	11	52
114	Trương Minh Thắng, Nguyễn Đức Lợi	Nghiên cứu ảnh hưởng của hiện tượng cơ ngót vật liệu sấy đến thời gian sấy và rút dạng thái lát	11	58
Khoa học xã hội và nhân văn				
115	Phạm Mạnh Thuỳ	Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao năng suất lao động của Việt Nam đến năm 2020	5	1
116	Nguyễn Ngọc Sơn	Nghiên cứu phát triển cụm ngành công nghiệp: từ lý luận đến thực tiễn ở các nước trên thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam	5	6
117	Nguyễn Đăng Minh	Phát triển năng lực tổng thể của con người tại các doanh nghiệp theo tư duy của quản trị tinh gọn	5	13
118	Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Cẩm Nhung...	Tự do hóa đầu tư trong cộng đồng kinh tế ASEAN: nội dung cam kết, cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	5	18
119	Trần Thọ Đạt, Tô Trung Thành	Tự do hóa tài khoản vốn và ổn định tài chính trong bối cảnh hội nhập	5	26
120	Đinh Mai Long	Xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng: nhìn từ góc độ chính sách công	5	34
121	Hồ Sĩ Quý	Mấy vấn đề về hệ giá trị Việt Nam	5	40
122	Trần Ngọc Thêm	Hệ giá trị Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 2014: thực trạng và đề xuất	5	47
123	Nguyễn Thị Hương	Giao lưu, tiếp biến văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay	5	55
124	Vũ Phương Hậu	Vai trò của an ninh văn hóa đối với việc xây dựng nền văn hóa dân tộc hiện nay	5	61
125	Hoàng Văn Cường, Phạm Phú Minh	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA để phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới	12	1
126	Trần Kim Chung, Nguyễn Văn Tùng...	Tái cấu trúc đầu tư công trong khuôn khổ đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam	12	7
127	Lê Tố Hoa	Một số thách thức đối với chính sách tiền tệ trong thời gian tới	12	15
128	Vũ Minh Long, Nguyễn Đức Thành	Phân tích an toàn vĩ mô cho hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2015 - Ứng dụng phương pháp kiểm tra sức chịu đựng	12	20
129	Trần Kim Hào	Liên kết trong các tập đoàn kinh tế Việt Nam	12	27
130	Nguyễn Thanh Tùng	Tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) lên ngành chăn nuôi Việt Nam: tiếp cận từ mô hình cân bằng bán phần	12	33
131	Trịnh Hòa Bình, Phan Quốc Thắng...	Thực trạng sử dụng mạng xã hội trực tuyến và một số gợi ý về chính sách	12	41
132	Nguyễn Trung Thành	Quyền tiếp cận thông tin: từ lý luận đến thực tiễn tại Việt Nam	12	49
133	Nguyễn Tùng Lâm	Kinh nghiệm quốc tế về đánh giá hoạt động môi trường và khả năng áp dụng ở Việt Nam	12	57
134	Đặng Thị Thu Hương	Truyền thông đại chúng, truyền thông xã hội và dư luận xã hội	12	64
135	Vũ Tuấn Anh, Trần Xuân Đích	Một số chính sách thúc đẩy hoạt động NC&PT của các DNVVN Nhật Bản trong “hai thập kỷ mất mát”	12	71
136	Nguyễn Văn Khánh, Đào Thanh Trường...	Phát triển vùng: lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế cho Việt Nam	12	79